

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/01/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP1+RC5+TD2	7:25	9+9+4	0+0+0		6+5+2	0+0+0	chuyen 1 rp1-rc5
2		P11+P10+P3	7:25	17+5+0	0+0+0		9+9+4	0+0+0	
3		TD3+P1+P5	7:25	15+7+0	0+0+0		5+0+15	0+0+0	
4		P2+BK16+GTC1	7:25	21+0+1	0+0+0		15+2+0	0+0+0	chuyen 4 bk16-gtc1
5		P2+ RP1 +CTK3 + RP1	9:25	18+1+3	0+0+0		12+3+4	0+0+0	
6		MRM	9:25	20	0		22	0	
7		P10	9:25	22	0		21	0	
8		BK15+TD5+P9	9:25	8+3+11	0+0+0		7+3+12	0+0+0	
9		TD3+RP3	11:25	6+16	0+0		5+16	0+0	
10		P7+P9+P1	11:45	9+12+0	0+0+0		0+10+7	0+0+0	
11		BK3+BK10+P11	13:25	11+7+4	0+0+0		4+6+10	0+0+0	
12		RP1	13:30	0	0		0	0	huấn luyện bay

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày P1-7ng, P11-6ng, bk4(id3)-4ng, RP1-2ng

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/01/2024	TO: RP1 - RC5 - TD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Nam - M.Đức - Tú -	ETA: 09:20
xanh-1		MQUÂN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUỐC DŨNG	RP1					75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH TUÊ	RP1					72	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG TRUNG HIỆU	RP1	95-96	2	15	5	72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC THANH	RP1	94	1	9		60	T-TIN	Vietnamese
5	HOANG VĂN THAM	RP1	92-93	2	19		65	T-TIN	Vietnamese
6	VŨ XUÂN TIẾN	RP1	84	1	5		70	PSV	Vietnamese
7	TRẦN HIỆP	RP1	89	1	5		72	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN DUY QUYÊN	RP1	91	1	5		70	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG PHUỘNG	RP1	90	1	5		65	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY PHU	RC5	78	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ VĂN TÙNG	RC5	81-82	2	12		60	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN KHẮC DUY	RC5	77	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ NGUYỄN KHÔI NGUYỄN	RC5	68-69	2	10		63	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TRÍ	RC5	76	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN CÔNG ĐOÀN	RC5	72-73	2	19		75	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAN VĂN ĐỨC	RC5	70-71	2	19		69	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐO ĐANH NGỌC	RC5	79-80	2	19		82	XAYLAP	Vietnamese
18	VŨ TẠ HOÀN	RC5	74-75	2	19		72	XAYLAP	Vietnamese
19	BUI THÁI QUI	TD2	93	1	12		78	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ HUYNH TRUNG	TD2	91	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU TRUNG	TD2	92	1	15		72	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN TỊNH	TD2	90	1	5		82	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	9	9	63	621	5	6	1	CHUYEN 01 PAX TU RPI SANG RC5 1CG Tang Van tu
2	RC5	9	15	130	623	0	5		
3	TD2	4	4	37	307	0	2		
TOTAL		22	28	230	1.551	5	13		
WEIGHT KG				230	1.551	5			

GRAND TOAL: 1.786 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 02	TO: P11 - P10 - P3	CREW: VTHU - ĐỨC - thông	ETA: 09:40
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU MINH HUNG	P11	66	1	3	18	87	KH-THAC	Vietnamese
2	ELTUKOV A.M.	P11					88	XAYLAP	Russian
3	PHAN NGOC QUYET	P11	73	1	3		75	NIPI	Vietnamese
4	NGUYEN THI HANG	P11					57	NIPI	Vietnamese
5	BESPALOV A.G.	P11	64	1	3		86	NIPI	Russian
6	KUSTOV A.A	P11	65	1	3		95	NIPI	Russian
7	NGUYEN KIM SON	P11	62	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN CUONG	P11	75	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐAO THIEN THUAT	P11	69	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
10	DUONG CONG PHUNG	P11	67	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐINH THIEN TUNG	P11	74	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN MANH TRUONG	P11	63	1	13		79	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN CONG HUY	P11	70	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN XUAN HINH	P11	71	1	6		83	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI SY CONG	P11	72	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TIEN HUNG	P11	68	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
17	LE QUANG TUAN	P11	61	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
18	LE VAN PHU	P10	80	1	4		75	YTE	Vietnamese
19	IAKIMIDI R.	P10	79	1	9		107	KH-THAC	Russian
20	NGUYEN VU KIEN	P10	77	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN VAN THANG	P10	78	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM VAN HUONG	P10	75	1	6	74	78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	17	15	83	1.285	18	9		
2	P10	5	5	29	403	74	9		
3	P3	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	20	112	1.688	92	22		
WEIGHT KG				112	1.688	92			

GRAND TOAL: 1.892 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: TD3 - P1 - P5	CREW: TTrung - N.ANH - QTrương	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH TRUNG KIÊN	TD3					73	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG HOÀN	TD3	33-34	2	6		77	D-HANH	Vietnamese
3	VU VAN TOAN	TD3					74	D-HANH	Vietnamese
4	PHAN THỊ THUY NGA	TD3					55	ANTOAN	Vietnamese
5	HỒ VĂN ĐỨC	TD3	39	1	5		70	PSV	Vietnamese
6	VŨ DUY KHANH	TD3	28	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
7	TÔNG TRUNG HUY	TD3	36	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HOANG ĐAN	TD3	35	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ THANH HAI	TD3	29	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ NGỌC TÂM	TD3	38	1	12		87	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN XUÂN QUYÊN	TD3	24-25	2	16	21	65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN DIỄN	TD3	37	1	9		65	XAYLAP	Vietnamese
13	KIỀU HAI DUONG	TD3	32	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM TIẾN SỸ	TD3	30	1	10	14	72	XAYLAP	Vietnamese
15	BUI CÔNG HUNG	TD3	26-27	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN VĂN HỒI	P1					66	D-HANH	Vietnamese
17	TẠ THỊ BÍCH LOAN	P1					62	D-HANH	Vietnamese
18	NGUYỄN THỊ QUỲNH CHÂU	P1					60	D-HANH	Vietnamese
19	NGUYỄN BÍCH THUY	P1					58	D-HANH	Vietnamese
20	TRẦN ANH CUƠNG	P1				51	70	D-HANH	Vietnamese
21	ĐAM TRỌNG TỰ	P1					87	D-HANH	Vietnamese
22	NGUYỄN LÊ TỎ LOAN	P1					52	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	15	15	121	1.052	35	7		
2	P1	7	0	0	455	51	0		
3	P5	0	0	0	0	50	15		
TOTAL		22	15	121	1.507	136	22		
WEIGHT KG				121	1.507	136			

GRAND TOAL: 1.764 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/01/2024	TO: P2 - BK16 - GTC1	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Dương - MTHAO - DTùng	ETA: 09:30
VANG-I			

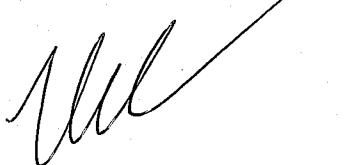
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG CHI TUYỀN	P2	75	1	12		66	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HỒNG	P2	93-94	2	15		64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO VĂN NGHỊ	P2	91	1	4	30	63	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ VĂN NAM	P2	83-84	2	6		58	KH-THAC	Vietnamese
5	BIỆN ĐĂNG SÂM	P2	900	1	5	13	64	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ VĂN THỌ	P2	98	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÌNH BA HOANG NAM	P2	92	1	11	62	100	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐANG QUỐC VIỆN	P2	76-78	3	10		66	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ NGỌC LUÔNG	P2	86	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ VĂN ĐÔNG	P2	85	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
11	THAI HOANG TÂM	P2	87	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM THIÊN NAM	P2	79	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM HIẾN TRƯỞNG	P2					68	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐO HUY HUNG	P2	82	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐÌNH VĂN HAI	P2	74	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	P2	81	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN ĐỨC MINH	P2	89-90	2	6		71	KH-THAC	Vietnamese
18	HOÀNG MINH QUÂN	P2	99	1	6		59	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN LÊM	P2	88	1	10		67	CODIEN	Vietnamese
20	PHUNG BÀ ĐỀ	P2	95-97	3	23		71	CODIEN	Vietnamese
21	CAO XUAN DUNG	P2	80	1	12		75	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYEN TUAN KHAI	GTC1	63-64	2	10		73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	21	27	163	1.435	105	15		CHUYEN 4 PAX BK16 SANG GTC1
2	BK16	0	0	0	0	0	2	4	
3	GTC1	1	2	10	73	0	2		
TOTAL		22	29	173	1.508	105	19		
WEIGHT KG				173	1.508	105			

GRAND TOAL: 1.786 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/01/2024	TO: P2 - CTK3 - RP1	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: TTrung - N.ANH - QTrưởng	ETA: 11:45
CAM-2			

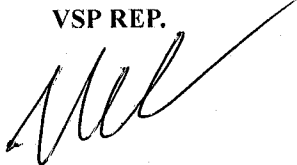
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRÍ PHƯỚC	P2	42	1	6	12	73	CODIEN	Vietnamese
2	BUI CHI LINH	P2	37	1	12		63	NAM TIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC PHÚC	P2	38	1	14		55	NAM TIEN	Vietnamese
4	BUI VĂN HIẾN	P2	36	1	9		58	NAM TIEN	Vietnamese
5	DU TRẦN HÙNG	P2	34	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN LAM	P2	33	1	9		86	ANTOAN	Vietnamese
7	PHẠM CAO CƯỜNG	P2	30	1	5		73	T-TIN	Vietnamese
8	TRƯƠNG TRỌNG THI	P2	29	1	5		74	T-TIN	Vietnamese
9	LÊ NGUYỄN HOANG MINH	P2	28	1	10		74	T-TIN	Vietnamese
10	TRANG CÔNG THIÊN	P2	21-22	2	19		62	T-TIN	Vietnamese
11	LÊ VĂN LỘC	P2	27	1	7		63	T-TIN	Vietnamese
12	TRẦN VĂN NGŨ	P2	24-26	3	12		86	T-TIN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TỊNH	P2	32	1	8		66	DK9	Vietnamese
14	BUI SONG TOÀN	P2	31	1	6		75	DK9	Vietnamese
15	HOANG CÔNG ĐỨC	P2	39	1	11		61	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN NHẬT	P2	41	1	6		75	KHI	Vietnamese
17	BUI CAO THÀNH	P2	40	1	5		85	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN MAI	P2	35	1	5		71	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN DINH HAI	CTK3	32	1	5		65	SANBAY	Vietnamese
20	LUƠNG THẾ HIẾN	CTK3	25-26	2	14		64	NIPI	Vietnamese
21	PHẠM HUY TÂN	CTK3	400	1	9	80	52	DUY LINH	Vietnamese
22	PHẠM ĐÌNH VĂN	RP1	98	1	4	13	78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	18	21	159	1.278	12	12		
2	CTK3	3	4	28	181	80	4		
3	RP1	1	1	4	78	13	3		
TOTAL		22	26	191	1.537	105	19		
WEIGHT KG				191	1.537	105			

GRAND TOAL: 1.833 KGS

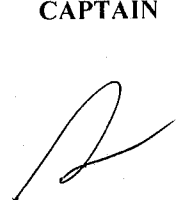
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:10
FLIGHT: 6	TO: MRM	CREW: VTHU - ĐỨC - thông	ETA: 12:00
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PAVLIUK VITALII	MRM	62	1	8		99	AMNGR	Russian
2	ORUDZHEV SHUKURULLA	MRM	70	1	10		89	AMNGR	Russian
3	IAMASHEV ALBERT	MRM	58	1	10		75	AMNGR	Russian
4	DIACHUK DMITRII	MRM	53	1	5		67	AMNGR	Russian
5	KUCHMII EGOR	MRM	61	1	10		100	AMNGR	Russian
6	ZHIGALO ALEKSANDR	MRM	60	1	10		93	AMNGR	Russian
7	IURIN VLADIMIR	MRM	59	1	10		77	AMNGR	Russian
8	KUZNETSOV DENIS	MRM	54	1	5		80	AMNGR	Russian
9	GRITSENKO VLADIMIR	MRM	66-67	2	12		81	AMNGR	Russian
10	KRIVOSHEEV MAKSIM	MRM	64-65	2	10		92	AMNGR	Russian
11	BEKESHEV TROLBEK	MRM	73-74	2	15		72	AMNGR	Russian
12	DOROKHOV DMITRII	MRM	63	1	7		70	AMNGR	Russian
13	KURSHEV SERGEI	MRM	57	1	5	12	73	AMNGR	Russian
14	CHUMAKOV MAKSIM	MRM	55-56	2	12	42	70	AMNGR	Russian
15	NGUYỄN HUỆ	MRM	77	1	5		55	VUGIA	Vietnamese
16	LÊ VĂN LỢI	MRM	75-76	2	12		56	VUGIA	Vietnamese
17	TRAN CHINH CUONG	MRM	68	1	10		72	PSV	Vietnamese
18	PHAN DINH GIAP	MRM	71	1	5		82	PSV	Vietnamese
19	HOANG VAN THU	MRM	69	1	5		67	PSV	Vietnamese
20	HOANG XUAN CANH	MRM	72	1	5		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	20	25	171	1.536	54	22		
TOTAL		20	25	171	1.536	54	22		
WEIGHT KG				171	1.536	54			

GRAND TOAL: 1.761 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	TO: P10	CREW: Nam - M.Đức - Tú - MQUÂN	ETA: 11:40
XANH-2			

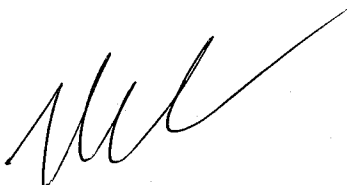
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ THANH LIÊM	P10	58	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN THAO	P10					70	KH-THAC	Vietnamese
3	VU ĐANG HOANG	P10	70	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG SY NGUYEN	P10	71	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ LÊNH ĐẠO	P10					86	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN CUONG	P10	60	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN KHANH TOAN	P10	76	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ QUANG ĐẠO	P10	66-67	2	15		83	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	77	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NAM	P10	61-62	2	8		96	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM TIỀN PHƯỢNG	P10	63	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ TRƯỞNG THỊNH	P10	52	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ PHƯƠNG HƯỜNG	P10	53	1	5	20	65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HUÂN	P10	59	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN BAO TOAN	P10	64-65	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
16	TRỊNH XUÂN QUÂN	P10	57	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
17	HUYNH CÔNG VĂN	P10	56	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
18	MAI VĂN QUYẾT	P10	68-69	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN XUÂN TRƯỞNG	P10	72-73	2	20		80	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN VIỆT HÙNG	P10	74	1	10	12	80	XAYLAP	Vietnamese
21	LẠI HUY CUÔNG	P10	78-79	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
22	PHAN VĂN THOẠI	P10	55	1	11		75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	22	26	183	1.653	32	21		1 C.GIOI TANG VAN TU
	TOTAL	22	26	183	1.653	32	21		
	WEIGHT KG			183	1.653	32			

GRAND TOAL: 1.868 KGS

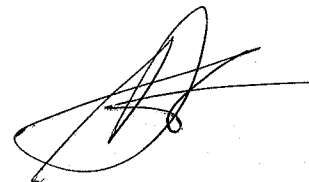
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:00
FLIGHT: 8	TO: BK15 - TD5 - P9	CREW: Dương - MTHAO - DTùng	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU HẬU	BK15	65-66	2	14	86	90	KH-THAC	Vietnamese
2	LUƠNG XUÂN THAI	BK15	69	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN QUANG HOANG	BK15	71	1	11		65	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯU TIẾN THANH	BK15	70	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
5	MAI TIẾN THANH	BK15	68-69	2	17		82	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN PHI LONG	BK15	61-62	2	20		67	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU VIỆT	BK15	63-64	2	18		60	DVL	Vietnamese
8	HOANG VAN PHUONG	BK15	60	1	5		64	PSV	Vietnamese
9	LÊ THANH THAI	TD5	15	1	18		92	KHOAN	Vietnamese
10	QUÁCH THẾ ANH	TD5	13	1	14		71	KHOAN	Vietnamese
11	JOFRANKLIN VALENTINE	TD5	14	1	15		80	PVDWS/H	Malaysian
12	NGUYỄN TRỌNG TÂM	P9	82	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P9					79	KH-THAC	Vietnamese
14	HỒ ĐỨC HIỀN	P9	88	1	9		57	YTE	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN HOANG	P9	69,70,97	3	13		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN TUỆ	P9	84	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC TÂN	P9	83	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN BA KỶ	P9					78	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN THANH HOÀI	P9	87	1	8		100	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG VAN HOA	P9	86	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN XUÂN HUƠNG	P9	85	1	8		56	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	89	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	8	12	99	576	86	7		
2	TD5	3	3	47	243	0	3		
3	P9	11	11	72	782	0	12		
TOTAL		22	26	218	1.601	86	22		
WEIGHT KG				218	1.601	86			

GRAND TOAL: 1.905 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 9	TO: TD3 - RP3	CREW: TUYỀN - Sơn - Toan	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐÌNH HÙNG	TD3	74	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ THẾ GIÁP	TD3	67	1	15	50	70	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM VĂN PHÚ	TD3	72-73	2	19		72	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC LONG	TD3	70-71	2	19		55	XAYLAP	Vietnamese
5	VÕ QUỐC TUẤN	TD3	68-69	2	19		68	XAYLAP	Vietnamese
6	KHÔNG QUỐC TIẾN	TD3	75-76	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN TÂN HOÀNG	RP3	29	1	4		70	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN BA HIỆP	RP3	30	1	5		70	KHI	Vietnamese
9	PHẠM BUI HOÀNG LONG	RP3	27-28	2	10		70	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN CẢNH KHOA	RP3	26	1	6		68	KHI	Vietnamese
11	ĐỖ MẠNH THƯỜNG	RP3	24-25	2	10		70	KHI	Vietnamese
12	TRẦN TUẤN ANH	RP3	45,01	2	10		78	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	91	1	5		63	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN VY	RP3	98	1	5		66	PSV	Vietnamese
15	TRẦN THANH HẢI	RP3	96	1	5	60	70	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TRUNG (1966)	RP3	95	1	5		66	PSV	Vietnamese
17	PHẠM NGỌC CHI	RP3	99	1	5		60	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN DUY CHINH	RP3	93	1	5		70	PSV	Vietnamese
19	HOÀNG MINH THIÊN	RP3	200	1	5		72	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN CHÍ HIẾU	RP3	92	1	5		75	PSV	Vietnamese
21	NGO VĂN HIẾN	RP3	97	1	5		66	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN HỒNG DƯƠNG	RP3	94	1	5		69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	6	10	101	401	50	5		
2	RP3	16	19	95	1.103	60	16		
TOTAL		22	29	196	1.504	110	21		
WEIGHT KG				196	1.504	110			

GRAND TOAL: 1.810 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/01/2024	TO: P7 - P9 - P1	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:15
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: HUNG - HTrung - THU	ETA: 14:05
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HONG QUAN	P7	97	1	12		78	XAYLAP	Vietnamese
2	TRAN VAN NAM	P7	87	1	17		68	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAM CAO CUONG	P7	85-86	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAM VAN TAN	P7	92-93	2	14		65	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAM VAN CONG	P7	98-99	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
6	LUU DUC THINH	P7	90-91	2	25		70	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN QUOC VAN	P7	88-89	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN HOANG THIEN	P7	94	1	10	14	60	XAYLAP	Vietnamese
9	LE VAN QUYEN	P7	96	1	6		60	PSV	Vietnamese
10	LE LANG TU	P9	65-66	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HOAI THANH	P9	86	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THANH TUNG	P9	68	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
13	VU CHI KIEN	P9	71	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
14	VU NAM GIANG	P9	84	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HUY	P9	67	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN MINH HIEN**	P9	62-63	2	20		83	KH-THAC	Vietnamese
17	TRINH THE NHAN	P9	70	1	7	38	76	KH-THAC	Vietnamese
18	HUA SAY	P9	85	1	12	53	60	KH-THAC	Vietnamese
19	TRINH HUY KHIEM	P9	87	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN DUC THANH	P9	74	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	VO TUAN MANH	P9	73	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	9	14	143	615	14	0		
2	P9	12	14	104	852	91	10		
3	P1	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		21	28	247	1.467	105	17		
WEIGHT KG				247	1.467	105			

GRAND TOAL: 1.819 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:30
FLIGHT: 11	TO: BK3 - BK10 - P11	CREW: TUYỀN - Sơn - Toan	ETA: 16:20
TRANG-4			

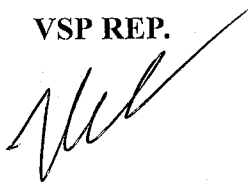
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG TUYỀN	BK3	91	1	16	50	63	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN DUY LONG	BK3	95-96	2	19		58	KH-THAC	Vietnamese
3	HOÀNG ĐÌNH QUÊ	BK3	93	1	10	12	87	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ CÔNG VINH	BK3	98	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI TRẦN VIỆT	BK3	99	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHÙNG CÔNG DU	BK3	97	1	13		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TOÀN THẮNG	BK3	90	1	15		77	CODIEN	Vietnamese
8	PHẠM THANH DUY	BK3	92	1	11		79	CODIEN	Vietnamese
9	LY HỮU THẮNG	BK3	87-88	2	18		68	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN THỦY	BK3	89	1	18		68	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN SÁ	BK3	94	1	4		68	PSV	Vietnamese
12	HỒ CÔNG ANH	BK10	58-59	2	9		65	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN CÔNG HOÀN	BK10	67	1	4	52	72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGHIÊM XUÂN ANH	BK10	60	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ TUẤN VIỆT	BK10	61	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN KHAI	BK10	56-57	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
17	MAI CAO ĐỊNH	BK10	62	1	8		61	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HIỀN	BK10	63	1	7		67	DK9	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG HIỀN	P11	80	1	6		52	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN KIỀU CẢNH	P11	77	1	4		70	PSV	Vietnamese
21	PHẠM ANH TUẤN	P11	79	1	9		72	PSV	Vietnamese
22	LÊ THANH HẢI	P11	78	1	6	5	60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	11	13	134	778	62	4		
2	BK10	7	9	58	458	52	6		
3	P11	4	4	25	254	5	10		
TOTAL		22	26	217	1.490	119	20		
WEIGHT KG				217	1.490	119			

GRAND TOAL: 1.826 KGS

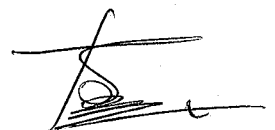
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/01/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P2+P4	7:25	16+6	0+0		10+12	0+0	
2		RP3+CTC1+TD2	7:25	19+3+0	0+0+0		11+3+4	0+0+0	
3		BK6+P4	7:25	7+15	0+0		1+21	0+0	
4		PPD+BK8	7:25	13+9	0+0		11+9	0+0	
5		RP2+BK20+CTK3	9:25	22+0+0	0+0+0		18+0+0	0+0+0	chuyen 4 bk20- ctk3
6		RCDM+RC10+BK5	9:25	6+7+6	0+0+0		0+5+6	0+0+0	
7		RP2+RC3+P11	9:25	9+13+0	0+0+0		7+8+3	0+0+0	chuyen 2 rp2- rc3
8		RP3+PPD+BK6	11:25	11+10+1	0+0+0		2+14+5	0+0+0	
9		BK9+P2	11:25	2+20	0+0		0+22	0+0	
10		RP2+CTC1	11:25	10+12	0+0		6+8	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ Đi về trong ngày PPD-3ng, P2-7ng, RP3-2ng, CTC1-1ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/01/2024	TO: P2 - P4	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: CHIẾN - XTrường - Vũ	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM QUANG TUÂN	P2	10-11	2	10		80	XN DỊCH VỤ	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN LỤC	P2	20	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
3	LÊ THỊ HẠNH	P2					59	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC NAM	P2	16	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH BAO	P2	02-04	3	15		70	D-HANH	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TRƯỞNG	P2	205	1	5		99	D-HANH	Vietnamese
7	THAI TRUNG HIẾN	P2	07-08	2	7		78	D-HANH	Vietnamese
8	NGUYỄN THỊ NHƯ MAI	P2	01	1	5		50	D-HANH	Vietnamese
9	HUỲNH THỊ PHƯƠNG THAO	P2	05-06	2	15		62	D-HANH	Vietnamese
10	NGUYỄN LAN HƯƠNG	P2	09	1	5		60	D-HANH	Vietnamese
11	TRẦN ĐOÀN HƯƠNG	P2	14	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
12	BAGRAMOV	P2	18	1	5	20	90	KH-THAC	Russian
13	DƯƠNG ĐỨC HIỆU	P2	13	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	DƯƠNG XUÂN ĐIỆP	P2	75	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM QUỐC HIẾN	P2	19	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOÀN NGUYỄN BAO CHÂU	P2	17	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN DUY KHƯƠNG	P4	15	1	4		70	KHI	Vietnamese
18	LÊ VĂN HƯƠNG	P4	13-14	2	10		10	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN BẠCH DƯƠNG	P4	72	1	5	35	72	KHI	Vietnamese
20	TRẦN SƠN NAM	P4	76	1	5	40	88	KHI	Vietnamese
21	PHAN THANH SƠN	P4	04	1	5		70	TTIN	Vietnamese
22	LƯƠNG TUÂN CHUNG	P4					78	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	16	20	102	1.102	20	10		
2	P4	6	6	29	388	75	12		
TOTAL		22	26	131	1.490	95	22		
WEIGHT KG				131	1.490	95			

GRAND TOAL: 1.716 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:45
FLIGHT: 02	TO: RP3 - CTC1 - TD2	CREW: PHÚ - ĐỨC - thông	ETA: 09:35
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN MINH	RP3	35	1	3	29	76	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN THANH NAM	RP3	37	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
3	VU TRUNG KIEN	RP3	46	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG THANH HOA	RP3	39-40	2	9		58	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VAN HUNG	RP3					79	KHI	Vietnamese
6	TU NGOC HAI	RP3	47-48	2	11		76	KHI	Vietnamese
7	NGO THANH LAM	RP3	34	1	3		66	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TAN	RP3					65	KHI	Vietnamese
9	LANH TRUNG DONG	RP3	55	1	4		67	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC ANH	RP3	36	1	4		71	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN THANH HA	RP3	54	1	8		86	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN TRUNG KIEN	RP3	51	1	6		69	KHI	Vietnamese
13	PHAM DUY DUNG	RP3					80	KHI	Vietnamese
14	DUONG VAN VAO	RP3	49-50	2	10		73	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN THANH THAN	RP3	43-44	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
16	TRAN QUANG LUU	RP3	45	1	14		65	XAYLAP	Vietnamese
17	DAO QUOC OAI	RP3	38	1	14		81	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN HUU THIEN	RP3	41	1	10	13	66	XAYLAP	Vietnamese
19	HO NGUYEN HAU	RP3	52	1	10	15	68	XAYLAP	Vietnamese
20	VU BAO THANH	CTC1	71	1	9		82	NIPI	Vietnamese
21	AKOPOV D.	CTC1	69-70	2	19		84	KH-THAC	Russian
22	NGUYEN TIEN THUC	CTC1	68	1	7	15	80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	19	20	136	1.357	57	11		
2	CTC1	3	4	35	246	15	3		
3	TD2	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	24	171	1.603	72	18		
WEIGHT KG				171	1.603	72			

GRAND TOAL: 1.846 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: BK6 - P4	CREW: VThắng - N.Cương - HIẾU	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ANH DŨNG	BK6				30	94	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN VĂN THỊNH	BK6	60	1	5		75	NIPI	Vietnamese
3	BAGRAMOVA E.K.	BK6	58	1	1		54	NIPI	Russian
4	LÊ NGỌC AN	BK6	61	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN CÔNG THANH	BK6	57	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TUNG	BK6	59	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐOÀN XUÂN CƯỜNG	BK6	56	1	13		70	CODIEN	Vietnamese
8	ZHURBIN N. B.	P4	05	1	5	52	95	KHI	Russian
9	NGUYỄN MINH CANG	P4	08	1	6		77	KHI	Vietnamese
10	HOÀNG VĂN HÙNG	P4					74	KHI	Vietnamese
11	TẠ VĂN QUYNH	P4					75	KHI	Vietnamese
12	VŨ NGỌC TUẤN	P4	02-03	2	13		83	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN CHIẾN CÔNG	P4	04	1	4		66	KHI	Vietnamese
14	ĐOÀN THANH CÔNG	P4	07	1	7		75	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN BA THUẬN	P4	60-61	2	22		72	CODIEN	Vietnamese
16	LÊ ANH TUẤN	P4	57-58	2	15		70	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	P4	62-63	2	25		69	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN KHANH HÙNG	P4	56	1	8		69	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐĂNG MẠNH	P4	59	1	12		50	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN VIỆT	P4	53	1	10		78	XAYLAP	Vietnamese
21	HOÀNG ĐỨC PHONG	P4				31	95	XAYLAP	Vietnamese
22	HOANG DUC LAM ANH	P4	69	1	5		75	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	7	6	34	523	30	1		
2	P4	15	16	132	1.123	83	21		
TOTAL		22	22	166	1.646	113	22		
WEIGHT KG				166	1.646	113			

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/01/2024	TO: PPD - BK8	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: LTuấn - Duong - DTùng	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ DUY LỊCH	PPD	61	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
2	LAM QUANG NAM	PPD	62	1	5		75	KHI	Vietnamese
3	HOANG MINH HIEU	PPD	55	1	6		72	KHI	Vietnamese
4	ĐINH THẾ QUAN	PPD	63	1	4		69	KHI	Vietnamese
5	BUI THANH HAI	PPD	41	1	4		64	KHI	Vietnamese
6	PHẠM ĐỨC TUÂN	PPD	57	1	4		68	KHI	Vietnamese
7	TRẦN ĐỨC DUY	PPD	40	1	5		67	KHI	Vietnamese
8	VÕ TẠ QUANG	PPD	54	1	5		70	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN VINH	PPD	56	1	6		75	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC THU	PPD	59-60	2	8		60	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	64	1	7		68	KHI	Vietnamese
12	HUYNH NAM LONG	PPD	34	1	7		75	KHI	Vietnamese
13	PHUNG VAN CHINH	PPD	58	1	5		79	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN TẤT HÒA	BK8	77	1	6		81	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ HUY TIẾN HAI	BK8	74	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG SY NGOC	BK8	78	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN THANH SƠN	BK8	75	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	TRƯƠNG QUYẾT THĂNG	BK8	80	1	15	30	82	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN QUANG VŨ	BK8	81	1	16		69	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TRUNG	BK8	82-83	2	17	50	76	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ ANH TUÂN	BK8	79	1	12	40	70	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI ĐẮC CANH	BK8	76	1	5		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

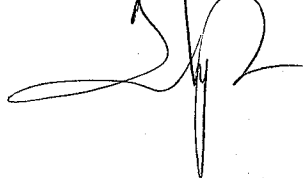
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	13	14	70	916	0	11		
2	BK8	9	10	92	640	120	9		
TOTAL		22	24	162	1.556	120	20		
WEIGHT KG				162	1.556	120			

GRAND TOAL: 1.838 KGS

VSP REP.



VNH-REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	TO: RP2 - BK20 - CTK3	CREW: CHIẾN - XTrường - Vũ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHALIMOV A.	RP2	82	1	18		90	KH-THAC	Russian
2	NGUYỄN BÌNH LONG	RP2	99	1	9	40	82	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	96	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN NGỌC CHÍNH	RP2					72	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN CÔNG HOÀNG	RP2	04-05	2	18		65	KH-THAC	Vietnamese
6	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	83	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HÙNG CUÔNG	RP2	88	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN BA DUY	RP2	89	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN TÂN TÀI	RP2	93-94	2	5		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	95	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM XUÂN KHOA	RP2	97	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÀU HUY HOÀNG	RP2	98	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
13	HOÀNG VĂN LINH	RP2	90-91	2	5		55	YTE	Vietnamese
14	TRẦN THIÊN PHƯỚC	RP2	01	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN DUY HÙNG	RP2	03	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN LIÊM	RP2	82	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ ĐỨC CUÔNG	RP2					70	KH-THAC	Vietnamese
18	HỒ ĐỨC LONG	RP2	85	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM HOÀNG HÙNG	RP2	86	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ HỮU QUÂN	RP2	84	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG TUAN CUONG	RP2	97	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ HOANG CẨM	RP2	02	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	22	23	129	1.571	40	18		CHUYEN 4 PAX BK20-CTK3
2	BK20	0	0	0	0	0	0	4	
3	CTK3	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	23	129	1.571	40	18		
WEIGHT KG				129	1.571	40			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/01/2024	TO: RCDM - RC10 - BK5	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: VThắng - N.Cường - HIẾU	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LƯU QUY DŨNG	RCDM	85-86	2	19		59	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC DANH	RCDM	89	1	10	15	62	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐO VĂN CƯỜNG	RCDM	83-84	2	17		56	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG VAN NGOC	RCDM	87	1	13	12	53	XAYLAP	Vietnamese
5	HOANG DINH VINH	RCDM	80	1	15		69	XAYLAP	Vietnamese
6	VÔ ANH TUÂN	RCDM	81-82	2	14	8	65	XAYLAP	Vietnamese
7	CHU ĐỨC HÙNG	RC10	70-71	2	8		57	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG TÂN	RC10	68-69	2	9	17	67	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM TRUNG KIẾN	RC10					70	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐO MẠNH HÙNG	RC10	77-78	2	15	33	60	XAYLAP	Vietnamese
11	NGÔ TRUNG KIẾN	RC10	72-73	2	17		79	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM TUNG DƯƠNG	RC10	76	1	5		78	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH LINH	RC10	74-75	2	19		80	XAYLAP	Vietnamese
14	THAI HAI HA	BK5	76-77	2	13		61	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN CÔNG THÀNH	BK5	78	1	6		81	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU HA	BK5	79	1	12	35	56	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN THUẬN	BK5	75	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ ĐỨC HUY	BK5	74	1	6	24	70	T-TIN	Vietnamese
19	PHAN XUÂN HÒA	BK5					70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	6	9	88	364	35	0		
2	RC10	7	11	73	491	50	5		
3	BK5	6	6	45	412	59	6		
TOTAL		19	26	206	1.267	144	11		
WEIGHT KG				206	1.267	144			

GRAND TOAL: 1.617 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:00
FLIGHT: 7	TO: RP2 - RC3 - P11	CREW: LTuấn - Dương - DTùng	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ LAM	RP2	32-33	2	7		71	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	35	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT NHƯÔNG	RP2	34	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	26	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN NGÔN QUANG DUY	RP2	27	1	6		93	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VIỆT TRƯỞNG	RP2	30-31	2	8		68	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN ĐỨC NGUYỄN	RP2	25	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
8	LƯƠNG NGỌC THANH	RP2	36	1	3		98	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HUY HOÀNG	RP2	28-29	2	11		75	ANTOAN	Vietnamese
10	VŨ LÊ TRUNG	RC3	36	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG KHOA	RC3	32	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
12	LÂM TRỌNG ĐẠI	RC3	33-35	3	11		55	KH-THAC	Vietnamese
13	NGÔ KHÁNH NAM	RC3	57-58	2	12		77	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN HAI VIỆT	RC3	59	1	7		95	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC ANH	RC3	02	1	15		95	ANTOAN	Vietnamese
16	NGÔ VĂN TÍNH	RC3	48-49	2	10	14	62	ANTOAN	Vietnamese
17	TRẦN QUỐC THỊNH	RC3	51-52	2	14		53	XAYLAP	Vietnamese
18	HOÀNG THAI TÀI	RC3	55	1	11		72	XAYLAP	Vietnamese
19	VUÔNG MAI	RC3	53-54	2	17		61	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ ANH CUÔNG	RC3	37	1	13	35	75	XAYLAP	Vietnamese
21	VŨ ANH MINH	RC3	25-26	2	10	13	78	T-TIN	Vietnamese
22	VŨ NGỌC HÙNG	RC3	56	1	9	40	54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	9	12	61	657	0	7+2		CHUYEN 2 PAX RP2-RC3
2	RC3	13	20	142	909	102	8		
3	P11	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	32	203	1.566	102	18		
WEIGHT KG				203	1.566	102			

GRAND TOAL: 1.871 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/01/2024	TO: RP3 - PPD - BK6	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Linh - N.ANH - Toan	ETA: 14:00
TRANG-3			

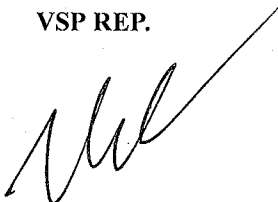
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH VŨ THANH	RP3	65	1	10	14	82	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN HỒNG THANH	RP3	71	1	16		73	XAYLAP	Vietnamese
3	BUI VĂN DUNG	RP3	80	1	12	15	64	XAYLAP	Vietnamese
4	THIỆU VĂN LONG	RP3	68	1	10		74	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ HOÀNG SƠN	RP3	72-73	2	19		77	XAYLAP	Vietnamese
6	TẠ QUANG CUÔNG	RP3	69-70	2	13		78	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN SANH TOÀN	RP3	77-78	2	17		59	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN BÌNH	RP3	76	1	16		68	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN THAI THANH	RP3	74-75	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN KIM THANH	RP3	79	1	8		79	NIP	Vietnamese
11	VŨ ĐỨC TRIỆU	RP3	67	1	5		72	PSV	Vietnamese
12	PHẠM HỒNG THAI	PPD	68	1	4		65	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	PPD	67	1	6		78	KHI	Vietnamese
14	ĐOÀN DUY HÙNG	PPD	70	1	5		89	KHI	Vietnamese
15	ĐẶNG VĂN BAN	PPD					83	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN HUYNH	PPD	66	1	8		52	KHI	Vietnamese
17	TRẦN SƠN HAI	PPD	65	1	5		75	KHI	Vietnamese
18	HOÀNG HUY TIẾN	PPD	73-75	3	12		55	KHI	Vietnamese
19	PHẠM VĂN SƠN	PPD	71-72	2	15		54	KHI	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN TỰ	PPD	69	1	5		62	KHI	Vietnamese
21	VŨ THANH ĐỖ	PPD	76-77	2	16		53	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN NAM HOÀNG	BK6	64	1	16	12	56	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	11	15	144	791	29	2		
2	PPD	10	13	76	666	0	14		
3	BK6	1	1	16	56	12	5		
TOTAL		22	29	236	1.513	41	21		
WEIGHT KG				236	1.513	41			

GRAND TOAL: 1.790 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/01/2024	TO: BK9 - P2 - BK19	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: KHOÀN - HUNG - Huy	ETA: 14:05
CAM - 3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN LAM	BK9	34-36	3	18		68	CODIEN	Vietnamese
2	LAI MINH HOANG	BK9	32-33	2	15	20	80	CODIEN	Vietnamese
3	HOANG MINH ĐỨC	P2	25	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
4	LE QUANG ANH HUNG	P2	03	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
5	LE VAN ĐÔNG	P2	31	1	2		81	KH-THAC	Vietnamese
6	LUU VAN TU	P2	30	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
7	VU VAN HIEU	P2	34	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
8	K LING	P2	04	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN PHONG	P2	63	1	9		61	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM NGUYEN HOANG PHUC	P2	43	1	3		87	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAC ĐỨC HUY	P2	33	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN HIEU	P2	64	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM VAN QUYEN	P2	26-27	2	6		68	KH-THAC	Vietnamese
14	HỒ HỮU LINH	P2	02	1	3		88	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN DINH NAM	P2	67	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN PHU HUU	P2	28	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI THO DUNG	P2	300	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
18	LE DINH HUAN	P2	66	1	11		51	KH-THAC	Vietnamese
19	LE SINH TAM	P2	32	1	4		95	KH-THAC	Vietnamese
20	TANG MANH HA	P2	01	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN ANH TUAN	P2	65	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
22	VU NGOC DUNG	P2	29	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	2	5	33	148	20	0		
2	P2	20	21	106	1.398	0	15		
3	BK19	0	0	0	0	23	4		
TOTAL		22	26	139	1.546	43	19		
WEIGHT KG				139	1.546	43			

GRAND TOAL: 1.728 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/01/2024	TO: RP2 - CTC1	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:20
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: LTuấn - MTHAO - QTrưởng	ETA: 14:10
TIM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ MINH PHƯƠNG	RP2	42-43	2	18		90	ANTOAN	Vietnamese
2	PHAN HỒNG SƠN	RP2	10	1	11		61	T-TIN	Vietnamese
3	HỒNG PHƯỚC SANG	RP2	11	1	6	30	64	T-TIN	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG TÂN	RP2	09	1	3		59	PSV	Vietnamese
5	LÊ MẠNH HÙNG	RP2	08	1	6		79	PSV	Vietnamese
6	HOANG VIỆT ANH	RP2	41	1	7		67	PSV	Vietnamese
7	TRẦN VĂN MINH	RP2	40	1	5		90	PSV	Vietnamese
8	LUƠNG MẠNH HƯƠNG	RP2	39	1	4		64	PSV	Vietnamese
9	VŨ ĐÌNH TU	RP2	37	1	10		64	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN THIÊN TÂN	RP2	38	1	5		65	PSV	Vietnamese
11	LÊ ANH VŨ	CTC1	80	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI SỸ HIỆU	CTC1	73	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
13	LUƠNG XUÂN THANH	CTC1	84	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN VĂN LÝ	CTC1	85	1	5	25	70	KH-THAC	Vietnamese
15	TÀ VĂN VIỆT	CTC1	79	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG NGỌC LAN	CTC1	83	1	9		76	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN TRỌNG MẠNH	CTC1	77	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN VĂN CHUNG	CTC1	74-75	2	19		79	ANTOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN CHUÔNG	CTC1	76	1	9		72	ANTOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN NAM SƠN	CTC1	82	1	11		82	PSV	Vietnamese
21	PHẠM VĂN HIỆU	CTC1	78	1	10		60	DK9	Vietnamese
22	NGUYỄN CÔNG KHANH	CTC1	81	1	10		84	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	10	11	75	703	30	5		
2	CTC1	12	13	100	878	25	8		
TOTAL		22	24	175	1.581	55	13		
WEIGHT KG				175	1.581	55			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN